TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/KDTM-ST
Ngày 02-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Nguyễn Văn Phú

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ

Trụ sở: đường P, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H – Chức vụ : Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ liên hệ: đường P, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q)

Trụ sở: đường K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành T, sinh năm 1970, địa chỉ: xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ có người đại diện hợp pháp là bà Hoàng Thị Lan trình bày:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ) và Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q(tên mới: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P) có ký kết hợp đồng kinh tế số 186A/2013/HĐK-ĐT ngày 13/11/2013 để mua bán thép xây dựng cho Công trình Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ khu vực phía Nam tại địa chỉ: 1196 đường 3 tháng 2, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã bàn giao hàng hóa theo biên bản giao nhận hàng ngày 01/12/2014 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000765 ngày 01/12/2014 với giá trị hàng hóa là 1.107.478.956 đồng, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P (sau đây viết tắt là công tyP) đã thanh toán số tiền 617.267.368 đồng. Tuy nhiên Công tyP không thực hiện thanh toán đúng theo thỏa thuận, hai bên có lập biên bản đối chiếu công nợ xác nhận đến ngày 31/12/2017, Công tyP còn nợ Công ty Đ số tiền nợ gốc là 490.216.589 đồng. Mặc dù Công ty Đ nhiều lần yêu cầu thanh toán tuy nhiên Công tyP không thực hiện và cố tình lẫn tránh, thay đổi thông tin công ty nhiều lần kéo dài thời gian. Nay nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công tyP thanh toán số tiền nợ gốc là 490.216.589 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/5/2018 số tiền là 296.290.397 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Hoàng Thị L là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc là 490.216.589 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình liên ngân hàng tại thời điểm tháng 3 năm 2023 trên số tiền chậm trả tạm tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày 02/3/2023 là 490.216.589 x 10,35 x 150% x 1888 ngày = 393.666.753 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi phải thanh toán là 883.883.342 đồng. Yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần

Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ có đơn khởi kiện Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng cung cấp thép xây dựng nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* tại thời điểm thụ lý vụ án TNHH Thương mại Dịch vụ P có địa chỉ trụ sở tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc còn lại là 490.216.589 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 186A/2013/HĐK-ĐT ngày 13/11/2013 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q) thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng ngày 01/12/2014 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000765 ngày 01/12/2014, biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017,

chứng từ chuyển tiền đã thể hiện Công ty Đ cung cấp cho Công ty P hàng hóa là thép xây dựng cho Công trình Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ khu vực phía Nam tại địa chỉ: 1196 đường 3 tháng 2, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị hàng hoá đã giao là 1.107.478.956 đồng, phía công tyP đã thanh toán số tiền là 617.267.368 đồng, còn nợ lại 490.216.589 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng phía Bị đơn đều vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hoá còn thiếu cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán là 393.666.753 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 186A/2013/HĐK-ĐT ngày 13/11/2013 hai bên thoả thuận trường hợp chậm thanh toán, thì còn phải trả thêm lãi phát sinh theo lãi suất cho vay của ngân hàng Công thương –CN1 – TP.HCM tại thời điểm quá hạn (+) 0.3%/tháng. Tuy nhiên, phía Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do Bị đơn chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm tháng 3 năm 2023 (BIDV 10,65%, Vietcombank 11,35%, Vietinbank 9,05%) là 10,35%/năm x 150% = 15,52%

Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày 02/3/2023 là 490.216.589 x 10,35 x 150% x 1888 ngày = 393.666.753 đồng là có lợi cho phía Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 393.666.753 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc 490.216.589 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 393.666.753 đồng, tổng cộng là 883.883.342 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 883.883.342 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ số tiền 883.883.342 (Tám trăm tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 03/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P phải chịu 38.516.500 (Ba mươi tám triệu năm trăm mười sáu ngàn năm trăm) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ số tiền 17.730.140 (Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi ngàn một trăm bốn mươi) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008447 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm